dàng wǎn

当晚

Noun · That night / On that night

Example Sentences

tā dàng wǎn jiù huí jiā le
他 当 晚 就 回 家 了。

He went home that very night.

wǎn huì jié shù hòu wǒ men dàng wǎn jiù lí kāi le nà zuò chéng shì
晚 会 结 束 后，我 们 当 晚 就 离 开 了 那 座 城 市。

After the party ended, we left that city that very night.

wǒ men yuē hǎo dāng wǎn yì qǐ kàn diàn yǐng
我 们 约 好 当 晚 一 起 看 电 影。

We agreed to watch a movie together that night.

Trace each character, then write the word on your own.